

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2026/HS-ST
Ngày: 20-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị G, sinh năm 1964 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: tổ A, ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị M (đã chết); có 06 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt để tạm giam ngày 18 tháng 12 năm 2025, có mặt.

Bị hại: Bà Lưu Phúc H, sinh năm 1999; nơi cư trú: số nhà G, tổ B, ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Mai Thị H1, sinh năm 1967; nơi cư trú: số nhà G, tổ B, ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Võ Thanh S, sinh năm 1994; địa chỉ: số I, đường Đ, khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H, có mặt.

2. Ông Lưu Phúc S1, sinh năm 1963; nơi cư trú: **số nhà G, tổ B, ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh**, có mặt.

Người làm chứng: Bà Mai Thị H2, sinh năm 1978; nơi cư trú: số nhà G, tổ B, ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 08 giờ ngày 17 tháng 8 năm 2025, bà Mai Thị H1 cùng bà Lưu Phúc H (con gái bà H1) và bà Mai Thị H2 (em gái bà H1, cạo mủ cao su thuê cho bà H1) vào vườn cao su của bà H1 tại ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh để cạo mủ cao su như thường ngày.

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 17 tháng 8 năm 2025, bà H2 cạo mủ đến khu vực cuối đất của bà H1 thì bà H2 không dám cạo mủ nữa; vì khu vực này đang tranh chấp giữa bà H1 và Nguyễn Thị G nên bà H2 sợ bị G đánh nên đưa dao cạo mủ lại cho bà H1 tự đi cạo một mình, bà H2 và bà H đi theo bà H1 gỡ mủ dây. Bà H1 vừa cạo mủ được khoảng 07 cây cao su thì G từ nhà cầm theo một đoạn cây cao su dài khoảng 1,5 mét, vừa đi vừa chửi không cho bà H1 cạo mủ, đuổi bà H1 đi khỏi khu vực đất đang tranh chấp mà G cho rằng thuộc quyền sử dụng đất của G và quay lại video bằng điện thoại di động. Khi G đi gần đến chỗ bà H1 thì G đưa lại điện thoại di động cho cháu ngoại G là Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2013 để quay video giúp G. Gái cầm đoạn cây cao su đi lại chỗ bà H1 chửi và đuổi bà H1 đi. Bà H1 nói “đất này bà H1 mua của bà Nguyễn Thị Ú, bà không có liên quan”. Gái nói đất và cây cao su là của G, yêu cầu bà H1 đi ra và không cho bà H1 cạo mủ nữa. Bà H1 vẫn đứng lại và nói đây là vườn cao su do chính bà H1 trồng trên đất của mình. Lúc này, G cầm đoạn cây cao su bằng 02 tay đánh hù bà H1 02 cái trúng vào cây cao su ở trước mặt bà H1. Gái tiến tới đánh cái thứ 03 thì bà H sợ G đánh trúng bà H1 nên đi lại đứng cạnh bà H1, phía bên tay trái Gái. Khi thấy G cầm đoạn cây cao su đưa lên đánh cái thứ ba thì bà H đưa tay trái ra đỡ nên trúng vào ngón cái bàn tay trái của bà H làm gãy đốt xa ngón I bàn tay trái gây thương tích 02% và trúng tiếp vào chân phải của bà H1 làm bà H1 đau nên ngã xuống đất. Lúc này, bà Nguyễn Hoàng Tuyết K và ông Nguyễn Hoàng Phi Y (là con của G) cùng bạn của Y nghe tiếng Gái chửi nên đi ra phía sau nhà ngăn G, ông Y giật lấy đoạn cây cao su Gái đang cầm rồi ném đi (không nhớ ném vị trí nào), sau đó hai bên đi về.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. **Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án** và người làm chứng có mặt tại phiên tòa, không ai có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 28/2025/KLTTCT-PY-CS2 ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Thành phố H kết luận đối với bị hại H (bút lục 33 đến 35):

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lưu Phúc H tại thời điểm giám định là: 02% (hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Kết luận khác:

* *Cơ chế hình thành thương tích, vật gây thương tích*: chấn thương gãy xương đốt xa ngón I bàn tay trái; chấn thương gãy xương kín, không có vết thương ngoài da, khả năng do vật tày gây ra.

* *Thương tích gây nguy hiểm đến tính mạng như thế nào?*

+ Bệnh nhân H vào viện lúc 13 giờ 35 phút ngày 17 tháng 8 năm 2025 trong tình trạng như sau: sưng đau ngón I bàn tay trái; Xquang: gãy kín đốt xa ngón I tay trái; phương pháp điều trị: giảm đau.

+ Như vậy, theo ghi nhận của bệnh viện, thương tích của bệnh nhân H không có biểu hiện nguy kịch, không có chỉ định phẫu thuật cấp cứu, bệnh nhân vẫn tỉnh táo, sinh hiệu ổn định.

+ Do đó, cho phép nhận định: trường hợp thương tích của Lưu Phúc H, nếu không điều trị cấp cứu kịp thời cũng không gây nguy hiểm đến tính mạng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà H1 xác định, việc bị cáo G dùng đoạn cây cao su đánh trúng chân phải của bà H1 ngày 17 tháng 8 năm 2025 chỉ bị sưng đỏ, đến nay đã hết nên không còn dấu vết gì. Bà H1 từ chối nhận Quyết định trưng cầu giám định số D3500/QĐ-VPCQCSĐT ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, có đơn xin từ chối giám định thương tích, không yêu cầu xử lý hình sự đối với Gái, không yêu cầu bồi thường gì và cam đoan không thắc mắc, khiếu nại về sau (bút lục 51b, 52, 57, 111 và 198). Công an xã P ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC ngày 29 tháng 01 năm 2026 xử phạt Gái 7.000.000 đồng (bút lục 195).

Quá trình điều tra, bị cáo G cho rằng trước đó bà H1 có dùng cây cao su dài khoảng 50cm đánh một cái từ trên xuống thì bị cáo G đưa tay đỡ nên trúng vào mặt ngoài cánh tay trái phần tiếp giáp với cổ tay ngày 17 tháng 8 năm 2025; đến nay dấu vết không còn, tay bị cáo vẫn cử động bình thường. Bị cáo G không nhận Quyết định trưng cầu giám định số D3502/QĐ-VPCQCSĐT ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và cam đoan không khiếu nại, thắc mắc gì về sau (bút lục 58, 59, 62b và 63). Tuy nhiên, tại phiên tòa

bị cáo G khai bị cáo không bị đánh nên bị cáo không yêu cầu giám định thương tích.

Tại Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 20 tháng 9 năm 2025, bị hại H đã giao nộp cho cơ quan điều tra 01 đoạn video thời gian 03 phút 28 giây ghi hình ảnh sự việc xảy ra vào ngày 17 tháng 8 năm 2025 (bút lục 129). Tại Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 27 tháng 8 năm 2025, bị cáo G đã giao nộp cho Công an xã P 01 USB màu trắng, hiệu “Hoco”, có lưu 01 đoạn video tên “VID20250817092559”, thời lượng phát 12 phút 47 giây, ghi lại vụ việc bà H1 đi cạo mủ bị bà G đánh (bút lục 145).

Tại Kết luận giám định số 11310/KL-KTHS ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Phòng K1 - Công an Thành phố H kết luận về đối tượng giám định là 01 USB hiệu Hoco, dung lượng 16GB, bên trong lưu trữ 01 tập tin video do bị hại H giao nộp (ký hiệu A1) và 01 USB hiệu Hoco, dung lượng 08GB, bên trong lưu trữ 01 tập tin video do bị cáo G giao nộp (ký hiệu A2): không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tập tin video cần giám định ký hiệu A1 và A2; đã trích xuất hình ảnh trong tập tin video cần giám định ký hiệu A1 và A2, nội dung chi tiết thể hiện trong phụ lục gửi đính kèm (bút lục 66 đến 72).

Ngày 28 tháng 10 năm 2025, Công an xã P có Công văn số 624/CAX V/v cung cấp thông tin quyền sử dụng đất gửi Ủy ban nhân dân xã P đối với thửa đất 655, tờ bản đồ 24, tọa lạc ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh) mà bà H1 và bị cáo tranh chấp (bút lục 29). Ngày 06 tháng 11 năm 2025, Ủy ban nhân dân xã P có Công văn số 790/UBND-KT cung cấp thông tin như sau (bút lục 30): (1) thửa đất 655 được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CH00849 ngày 19 tháng 4 năm 2011 cho bà H1, nguồn gốc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Hồng L. (2) Năm 2023, bà H1 tặng cho quyền sử dụng đất cho bà H, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P cập nhật đăng ký biến động đất đai ngày 29 tháng 8 năm 2023. (3) Năm 2024, bà H tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Lưu Phúc H3 (con của bà H1 và ông Lưu Phúc S1, chị của bà H) được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P cập nhật đăng ký biến động đất đai ngày 12 tháng 9 năm 2024. (4) Năm 2025, bà H3 cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CN1040 ngày 26 tháng 02 năm 2025 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký huyện P cấp. Hiện nay, bà H3 ủy quyền toàn quyền thửa đất 655 cho ông S1 theo Hợp đồng ủy quyền ngày 21 tháng 3 năm 2025, công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Bình Dương ngày 28 tháng 3 năm 2025, số công chứng 00699, quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD, thời hạn ủy quyền là 05 năm kể từ ngày hợp đồng này được công chứng hoàn tất (bút lục 95 đến 91).

Về dân sự: bị hại H yêu cầu bị cáo G bồi thường thiệt hại tổng số tiền 6.000.000 đồng gồm: thu nhập thực tế bị mất của bà H là 5.000.000 đồng (10 ngày nghỉ làm việc 500.000 đồng/ngày x 10 ngày) và chi phí cho việc điều trị (tiền thuốc và khám chữa bệnh) là 1.000.000 đồng. Bị cáo không đồng ý bồi thường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các vấn đề nêu trên. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng có mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì về các vấn đề nêu trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 98/CT-VKSKV19 ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Thị Gái về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024 và 2025. Tại phiên tòa:

(1) Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo G theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134 và điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024 và 2025, xử phạt bị cáo G từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về dân sự: buộc bị cáo G bồi thường thiệt hại cho bị hại H số tiền 6.000.000 đồng.

(2) Bị hại H trình bày: bị cáo G đã dùng đoạn cây cao su đánh trúng vào ngón cái bàn tay trái của bị hại. Bị hại giữ nguyên yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

(3) Bị cáo G trình bày: bị cáo không chấp nhận, bị cáo không đánh bị hại gây thương tích. Đất của bị cáo, mũ của bị cáo, bị cáo được cấp sổ đỏ, thu hoạch bốn mươi mấy năm. Đến ngày 18 tháng 12 năm 2025 bị cáo lại bị bắt, bị cáo không đánh ai. Bị cáo bị ăn cắp mũ mà bị cáo không thừa, người ăn cắp mũ của bị cáo lại thừa là sao.

(4) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà H1 là ông S trình bày: chấp nhận nội dung truy tố theo Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để quyết định hình phạt phù hợp, đúng quy định pháp luật. Bà H1 không yêu cầu bồi thường, bị hại H có yêu cầu bồi thường 6.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

(5) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà H1 không trình bày gì thêm.

(6) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông S1 trình bày: đất của gia đình tôi có giấy tờ rõ ràng.

Bị cáo nói lời sau cùng: **không đưa được bằng chứng bị cáo đánh người mà bắt người vô cớ.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án đã được Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình tố tụng, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đều không khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Bị cáo chỉ thừa nhận: sáng ngày 17 tháng 8 năm 2025, tại ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo có cầm một đoạn cây cao su dài khoảng 1,4m đến 1,5m hình tròn, đường kính bằng hai ngón tay đi lại chỗ bà H1 để đuổi bà H1 đi về, bị cáo cầm đoạn cây cao su bằng hai tay đánh vào hai bên cây cao su ở trước mặt bà H1 để hù bà H1. Do bà H1 nói đất của bà H1 không phải đất của bị cáo nên bị cáo tức và cầm đoạn cây cao su đánh cái thứ ba theo hướng xéo từ trên xuống, từ trái qua phải về phía chân phải bà H1, trúng vào chân phải bà H1 thì bà H1 ngã xuống đất.

Bị cáo không thừa nhận có đánh trúng vào ngón cái bàn tay trái của bị hại H gây thương tích, không thừa nhận hành vi phạm tội theo truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo đã không chấp hành quyết định, yêu cầu trong quá trình điều tra, truy tố, đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú nhưng vi phạm (không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra) nên bị cáo bị thay thế biện pháp ngăn chặn là tạm giam đến nay.

Xét thấy dù bị cáo quanh co chối tội, không thành khẩn khai báo, nhưng qua xem xét lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, **video do bị cáo và bị hại cung cấp (bút lục 122 đến 124, 126 và 127, 107 đến 110, 135 đến 139, 66 đến 72)**, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ phù hợp với lời khai của bị cáo tại bút lục 154, 155 và qua quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: do bị cáo và bà H1 có tranh chấp đối với thửa đất 655, phần tranh chấp có trồng khoảng 70 cây cao su đang thu hoạch mủ. Ngày 17 tháng 8 năm 2025, bị cáo đã có hành vi cầm đoạn cây cao su dài khoảng 1,4m đến 1,5m đánh 01 cái trúng vào ngón I (ngón cái) bàn tay trái của bị hại H gây thương tích (tại thời điểm giám định) là 02% căn cứ theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y1. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích. Do bị cáo dùng cây là hung khí nguy hiểm, Cáo trạng truy tố bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự **năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024 và 2025** là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, xâm phạm đến sức khỏe của bị hại H được pháp luật bảo vệ. Việc đưa bị cáo ra xử lý bằng biện pháp hình sự tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Giữa bị cáo và mẹ bị hại là bà H1 có mâu thuẫn do tranh chấp đất đai, bị cáo không cho bà H1 cạo mủ cao su trên phần đất (thửa đất 655) mà bị cáo cho rằng thuộc quyền sử dụng đất của bị cáo và có cây cao su do bị cáo trồng. Lẽ ra, nếu các bên không hòa giải được thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải; nếu đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã mà không thành thì khởi kiện tại Tòa án nhân dân nơi có đất tranh chấp giải quyết. Tuy nhiên, bị cáo lại dùng đoạn cây cao su đánh 01 cái trúng vào ngón I bàn tay trái của bị hại H gây thương tích là 02%. Hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật, gây tổn hại về sức khỏe của bị hại, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Ngoài ra, bị cáo còn có lời lẽ, thái độ không hợp tác, gây khó khăn, cản trở quá trình điều tra, truy tố. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử cần xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024 và 2025, bị cáo là người cao tuổi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024 và 2025.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại phiên tòa là có cơ sở; đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt và trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Bị hại H yêu cầu bị cáo G bồi thường thiệt hại tổng số tiền 6.000.000 đồng gồm: thu nhập thực tế bị mất là 5.000.000 đồng và chi phí cho việc điều trị là 1.000.000 đồng. Xét các khoản yêu cầu này của bị hại đều là những chi phí hợp lý. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024 và 2025, khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 590 của Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo G có trách nhiệm bồi thường cho bị hại H 6.000.000 đồng.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với hành vi dùng cây cao su đánh vào chân bà H1, Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[10] Về án phí: bị cáo là người cao tuổi (đủ 60 tuổi trở lên theo Điều 2 của Luật Người cao tuổi) và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí

hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của **Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024 và 2025**:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị G phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 12 năm 2025.

[2] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự **năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024 và 2025**, khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 590 của Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị G có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại Lưu Phúc H 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về án phí: căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PV06);
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Người BVQVLIHP của NCQLNVLQĐVA;
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên